

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2022

V/v: “Ly hôn, xác nhận cha cho con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn, xác nhận cha cho con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 246/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 04/2022/TB-TA ngày 21 tháng 3 năm 2022; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 05/2022/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1992.

HKTT: phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Kasai S, sinh ngày 14/8/1979.

Quốc tịch : Nhật Bản.

Địa chỉ : Nhật Bản.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Đức H, sinh năm 1985; địa chỉ: phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt. (Chị T, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thu T trình bày: Chị và anh Kasai S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản vào ngày 26/4/2017**. Tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày, qua cách giao tiếp vợ chồng dần cảm thấy không hợp nhau, không có tình cảm. Đến đầu năm 2020, chị T quay trở về Việt Nam, chấm dứt liên lạc với anh Kasai S, mặt khác chị T cũng không có ý định tiếp tục sang Nhật Bản làm kinh tế nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Kasai S.

Về con chung: Trước khi kết hôn với anh Kasai S, chị T có yêu và quan hệ với anh Đỗ Đức H dẫn đến có thai (sau này sinh ra cháu Kasai H1). Khi có thai được khoảng 03-04 tháng thì chị T kết hôn với anh Kasai S. Mặc dù trên giấy tờ thì cháu Kasai H1 có đăng ký tên cha là Kasai S theo trích lục ghi sổ hộ tịch việc khai sinh số 940 ngày 02/11/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Tuy nhiên, trên thực tế, cháu Kasai H1 là con chung của chị T và **anh** Đỗ Đức H chứ không phải của chị T và anh Kasai S. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết việc xác nhận cha cho con giữa con gái là Kasai H1, sinh ngày 27/9/2017 và cha là Đỗ Đức H, sinh ngày 25/12/1985, trú tại số 21 Phú Thọ, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Đức H trình bày: Anh và chị T quen biết và có mối quan hệ yêu đương từ năm 2013 nhưng chưa kết hôn. Trong thời gian yêu nhau, anh H và chị T có quan hệ tình cảm với nhau dẫn đến việc chị T có thai. Tuy nhiên, trong gia đoạn mang thai, chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn nên chị T đã bỏ sang Nhật làm việc, kết hôn với chồng mới và sinh con. Chị T đã khai sinh cho con theo tên chồng mới là Kasai S. Do lúc đó anh H không liên lạc được với chị T nên không biết được việc này. Đến khi chị T về nước (khoảng năm 2020), chị T và anh H mới liên lạc lại với nhau và có mong muốn hàn gắn tình cảm. Khi đó, chị T mới cho anh H biết cháu Kasai H1 sinh ngày 27/9/2017 là con chung của anh chị. Anh H đã đưa cháu Kasai H1 đi xét nghiệm ADN và cho ra kết quả xác định cháu Kasai H1 sinh ngày 27/9/2017 là con của anh Đỗ Đức H với xác suất là 99,9999%. Do đó, anh H đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T và xác nhận cho anh H là cha đẻ của cháu Kasai H1 để cha con sớm đoàn tụ.

Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật đối với anh Kasai S. Tuy nhiên, anh Kasai S không có văn bản phản hồi.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thu T, anh Đỗ Đức H và anh Kasai S đều vắng mặt (Chị T và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị Nguyễn Thu T và anh Kasai S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn anh Kasai S. Về con chung, căn cứ vào kết quả xét nghiệm ADN số 210511.42 ngày 11/5/2021 của Công ty cổ phần công nghệ Gen ứng dụng Việt Nam có đủ cơ sở kết luận cháu Kasai H1 là con của anh Đỗ Đức H và chị Nguyễn Thu T. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu T về nội dung này. Về tài sản, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Chị Nguyễn Thu T phải chịu án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thu T cung cấp địa chỉ của anh Kasai S tại Gunmaken Isesakishi Tomizukacho 2302-1 Green Haitsu A201, Nhật Bản là địa chỉ khi anh chị đăng ký kết hôn tại Nhật Bản, ngoài địa chỉ trên chị T không cung cấp được địa chỉ nào khác. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tới Bộ tư pháp để thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Ngày 29 tháng 9 năm 2021, Tòa án đã nhận được công hàm số 2119/CH-BTP của Bộ Tư pháp, thể hiện Bộ tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã gửi văn bản ủy thác tới Bộ Ngoại giao Nhật Bản để thực hiện ủy thác đối với anh Kasai S. Ngày 25/02/2022, Tòa án nhận được công văn số 474/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp thể hiện Bộ tư pháp đã nhận được Văn bản trả lời No.J.F 72/2022 ngày 28/01/2022 của Bộ Ngoại giao Nhật Bản thông báo về việc cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản đã tiến hành tổng đạt hồ sơ ủy thác nhưng không tổng đạt được với lý do người nhận không đến nhận văn bản cần tổng đạt trong thời gian lưu giữ hồ sơ tại bưu cục kèm theo chứng nhận tổng đạt của Tòa án Tối cao Nhật Bản. Xét thấy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã tiến hành ủy thác tư pháp đúng

theo quy định tại điều 474 và điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên, đến ngày mở lại phiên tòa xét xử, Tòa án vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ đối với anh Kasai S. Đồng thời, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã tiến hành thông báo các văn bản của Tòa án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H có đơn xin được xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 474 và khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thu T, anh Đỗ Đức H và anh Kasai S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T và anh Kasai S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản vào ngày 26/4/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh Kasai S sống ở Nhật Bản. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì trong cuộc sống hàng ngày, qua cách giao tiếp vợ chồng dần cảm thấy không hợp nhau, bất đồng về ngôn ngữ nên khó chia sẻ, tình cảm phai nhạt dần. Đến đầu năm 2020, chị T quay trở về Việt Nam, chấm dứt liên lạc với anh Kasai S, mặt khác chị T cũng không có ý định tiếp tục sang Nhật Bản làm kinh tế nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Từ khi về Nhật Bản, anh Kasai S không còn quan tâm, liên lạc với chị T. Chị T cũng không có ý định quay về đoàn tụ với anh Kasai S và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, anh Kasai S và chị T mỗi người ở một nước, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Kasai S là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh Kasai S có 01 con là Kasai H1, sinh ngày 27/9/2017 hiện đang sinh sống với chị T tại Việt Nam. Căn cứ theo điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình, con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Tuy nhiên, chị T cho rằng chị đã có quan hệ tình cảm với anh Đỗ Đức Hậu và đã mang thai con của anh H trước khi kết hôn với anh Kasai S. Do đó, chị T xác định cháu Kasai H1, sinh ngày 27/9/2017 là con chung của chị và anh Đỗ Đức H. Xét thấy, tính từ thời điểm chị T và anh Kasai S kết hôn đến khi sinh cháu Kasai H1 chưa đủ 9 tháng 10 ngày. Đồng thời, căn cứ kết quả xét nghiệm ADN số 210511.42 ngày 11/5/2021 của Công ty cổ phần công nghệ Gen ứng dụng Việt Nam đã kết luận, anh Đỗ Đức H có quan hệ huyết thống cha – con với cháu Kasai H1 với xác suất 99.9999%. Lời khai của chị T phù hợp với lời khai của anh Đỗ Đức H đều xác định anh chị có quan hệ tình cảm từ năm 2013 và chị T đã mang thai con của anh H là cháu Kasai H1 trước khi kết hôn với

anh Kasai S. Do đó, có đủ căn cứ xác định cháu Kasai H1 là con đẻ của anh Đỗ Đức H và chị Nguyễn Thu T. Từ phân tích trên cho thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu T, xác định cháu Kasai H1 không phải là con của anh Kasai S mà là con của anh Đỗ Đức H.

[4]. Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thu T và anh Kasai S không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí, lệ phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 88; Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 474, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu T. Xử cho chị Nguyễn Thu T ly hôn anh Kasai S.

2. Xác nhận cháu Kasai H1 sinh ngày 27/9/2017 không phải là con đẻ của anh Kasai S.

3. Xác nhận cháu Kasai H1 sinh ngày 27/9/2017 là con đẻ của anh Đỗ Đức H.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005979 ngày 10/5/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 400.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tư pháp và 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) chi phí thực tế ủy thác tư pháp được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 3.400.000đ (*ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007315 ngày 15/7/2021, số AA/2018/0007316 ngày 15/7/2021 và AA/2018/0007317 ngày 15/7/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thu T, anh Đỗ Đức H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Kasai S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Phạm Ngũ Lão, tp Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn